

Số: 947 /QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ đại học khóa D18X, D18CD1; D20CNK2
và đại học các khóa trước

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tốt nghiệp trình độ đại học khóa D18X, D18CD, D18K, D20CNK2 và sinh viên đại học, cao đẳng các khóa trước;

Căn cứ cuộc họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 28/12/2022 của Hội đồng tốt nghiệp;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 113 sinh viên đại học khóa D18X, D18CD1 và đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

Điều 2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kỹ sư cho 10 sinh viên đại học lớp D20CNK2 và đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)



Điều 3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân cho **01** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

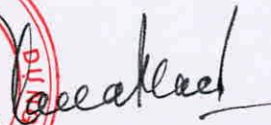
(Có tên trong danh sách kèm theo)

Điều 4. Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG


TS. Phan Văn Huệ


NG
OC
JNG
IUNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 947/QĐ-ĐHXMT, ngày 30 tháng 12 năm 2022)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kiến trúc																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
1	1	14DQ5801020039	Bùi Văn Vũ	Nam	07/06/1996	Khánh Hòa	2.32	163	Trung bình	D14K1	03/09/2014	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2014 - 2019	Tiếng Việt	ĐH- Kiến trúc sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
B. Ngành Kỹ thuật xây dựng																					
I. Tổng số 63/155 sinh viên thực hiện ĐATN theo QĐ số: 548/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/8/2022																					
2	1	18DQ5802010013	Nguyễn Ngọc Hưng	Nam	30/05/2000	Khánh Hòa	3.33	143	Giỏi	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
3	2	18DQ5802010012	Lê Thanh Hoàng	Nam	15/10/2000	Quảng Bình	3.14	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
4	3	18DQ5802010195	Nguyễn Văn Lực	Nam	20/02/2000	Bình Định	3.03	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
5	4	18DQ5802010198	Nguyễn Phở	Nam	02/07/2000	Phú Yên	3.01	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
6	5	18DQ5802010002	Nguyễn Thái Bảo	Nam	10/03/2000	Phú Yên	2.92	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
7	6	18DQ5802010024	Nguyễn Lê Anh Phúc	Nam	07/06/2000	Quảng Nam	2.88	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
8	7	18DQ5802010178	Trần Uy Công	Nam	30/03/2000	Khánh Hòa	2.78	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
9	8	18DQ5802010188	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	02/02/2000	Khánh Hòa	2.77	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
10	9	18DQ5802010028	Đoàn Ngọc Sư	Nam	17/06/2000	Phú Yên	2.76	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
11	10	18DQ5802010021	Lê Hoàng Minh Nhân	Nam	04/02/2000	Phú Yên	2.63	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
12	11	18DQ5802010231	Nguyễn Anh Tú	Nam	15/05/1997	Quảng Trị	2.59	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
13	12	18DQ5802010222	Hà Ngọc Sỹ	Nam	09/03/2000	Phú Yên	2.57	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
14	13	18DQ5802010220	Phan Trường Xuân	Nam	29/01/2000	Khánh Hòa	2.56	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
15	14	18DQ5802010192	Lâm Quốc Khương	Nam	10/05/2000	Bình Định	2.56	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
16	15	18DQ5802010011	Lê Minh Hiếu	Nam	21/06/2000	Thái Bình	2.56	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
17	16	18DQ5802010014	Trần Đức Huy	Nam	22/06/2000	Phú Yên	2.55	143	Khá	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
18	17	18DQ5802010200	Nguyễn Minh Quang	Nam	03/02/1999	Phú Yên	2.39	143	Trung bình	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
19	1	18DQ5802010075	Đỗ Trần Cao Thắng	Nam	16/03/2000	Phú Yên	3.53	143	Giỏi	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
20	2	18DQ5802010084	Huỳnh Xuân Trường	Nam	22/01/2000	Quảng Nam	3.32	143	Giỏi	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
21	3	18DQ5802010072	Nguyễn Ngọc Sư	Nam	06/11/1999	Phú Yên	3.23	143	Giỏi	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
22	4	18DQ5802010237	Ngô Trần Anh Tú	Nam	04/06/1998	Khánh Hòa	3.16	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
23	5	18DQ5802010083	Lê Vũ Trọng	Nam	16/01/2000	Bình Định	2.73	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
24	6	18DQ5802010214	Trần Long Trần	Nam	09/10/2000	Gia Lai	2.73	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
25	7	18DQ5802010048	Nguyễn Hoàng Nguyễn Đăng	Nam	06/05/2000	Phú Yên	2.70	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
26	8	18DQ5802010071	Nguyễn Văn Sĩ	Nam	06/06/2000	Phú Yên	2.69	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
27	9	18DQ5802010066	Huỳnh Công Nhì	Nam	24/08/2000	Phú Yên	2.65	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
28	10	18DQ5802010085	Đào Quỳnh Long	Tuấn	Nam	20/09/2000	Phú Yên	2.61	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
29	11	18DQ5802010208	Nguyễn Đăng Cao	Thế	Nam	04/10/1998	Phú Yên	2.58	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
30	12	18DQ5802010234	Trần Đức	Ý	Nam	12/01/2000	Bình Định	2.57	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
31	13	18DQ5802010088	Trương Minh	Vương	Nam	12/06/2000	Phú Yên	2.55	143	Khá	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
32	14	18DQ5802010077	Lê Ngọc	Thiện	Nam	31/01/2000	Phú Yên	2.49	143	Trung bình	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
33	15	18DQ5802010076	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	02/04/2000	Phú Yên	2.43	143	Trung bình	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
34	16	18DQ5802010069	Huỳnh Văn	Quốc	Nam	25/05/2000	Phú Yên	2.41	143	Trung bình	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
35	17	18DQ5802010082	Tô Duy	Toàn	Nam	22/07/2000	Phú Yên	2.30	143	Trung bình	D18X2	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
36	1	18DQ5802010218	Hoàng Xuân	Vinh	Nam	14/08/2000	Bình Định	3.05	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
37	2	18DQ5802010103	Nguyễn Lê	Khánh	Nam	12/10/2000	Phú Yên	2.71	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
38	3	18DQ5802010100	Ngô Thanh	Học	Nam	04/06/2000	Khánh Hòa	2.70	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
39	4	18DQ5802010243	Trần Minh	Hồi	Nam	19/02/2000	Phú Yên	2.67	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
40	5	18DQ5802010131	Phan Tuấn	Vũ	Nam	09/01/2000	Khánh Hòa	2.65	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
41	6	18DQ5802010114	Nguyễn Qui	Sang	Nam	16/07/2000	Bình Định	2.63	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
42	7	18DQ5802010090	Phan Nguyễn Quang Ngọc	Cầu	Nam	26/08/2000	Quảng Ngãi	2.51	143	Khá	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
43	8	18DQ5802010121	Trần Hoàng	Thiện	Nam	12/03/2000	Khánh Hòa	2.34	143	Trung bình	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
44	9	18DQ5802010124	Nguyễn Đình	Tiến	Nam	30/05/2000	Phú Yên	2.24	143	Trung bình	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
45	1	18DQ5802010176	Lê Thảo	Vy	Nữ	15/05/2000	Khánh Hòa	3.80	143	Xuất sắc	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
46	2	18DQ5802010139	Lê Quốc	Duy	Nam	16/09/2000	Phú Yên	3.57	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
47	3	18DQ5802010142	Lê Minh	Hiếu	Nam	27/11/2000	Phú Yên	3.52	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
48	4	18DQ5802010242	Nguyễn Ngọc	Trương	Nam	14/06/1997	Phú Yên	3.49	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
49	5	18DQ5802010173	Lê Nhật	Tùng	Nam	16/05/2000	Bình Định	3.47	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
50	6	18DQ5802010154	Đặng Thị Kim	Phấn	Nữ	25/10/2000	Phú Yên	3.47	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
51	7	18DQ5802010170	Huỳnh Phan Văn	Toàn	Nam	03/05/2000	Phú Yên	3.30	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
52	8	18DQ5802010175	Lê Hoài	Vũ	Nam	29/07/2000	Phú Yên	3.21	143	Giỏi	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
53	9	18DQ5802010160	Ngô Tấn	Tài	Nam	12/11/2000	Khánh Hòa	3.07	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
54	10	18DQ5802010140	Phan Công	Hà	Nam	28/09/2000	Bình Định	3.07	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
55	11	18DQ5802010149	Nguyễn Vinh	Lâm	Nam	27/09/2000	Khánh Hòa	2.88	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
56	12	18DQ5802010141	Nguyễn Ngọc	Hào	Nam	01/04/2000	Phú Yên	2.86	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
57	13	18DQ5802010166	Lê Huỳnh	Thịnh	Nam	06/11/2000	Phú Yên	2.83	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
58	14	18DQ5802010241	Phạm Quý	Đôn	Nam	10/05/2000	Phú Yên	2.77	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
59	15	18DQ5802010150	Nguyễn Quang	Linh	Nam	30/12/2000	Phú Yên	2.64	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
60	16	18DQ5802010256	Cao	Sương	Nam	14/03/1997	Khánh Hòa	2.58	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
61	17	18DQ5802010240	Nguyễn Khắc	Tĩnh	Nam	19/03/2000	Nghệ An	2.58	143	Khá	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Trình độ	Hình thức	Thời gian	Ngôn ngữ	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
62	18	18DQ5802010147	Trần Văn	Khánh	Nam	24/09/1999	Phù Yên	2.47	143	Trung bình	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
63	19	18DQ5802010165	Huỳnh Phước	Thiên	Nam	16/03/2000	Bình Định	2.37	143	Trung bình	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
64	20	18DQ5802010148	Lê Tấn	Khôi	Nam	19/01/2000	Phù Yên	2.27	143	Trung bình	D18X4	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
C. Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng																					
I. Tổng số 26/155 sinh viên thực hiện ĐATN theo QĐ số: 548/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/8/2022																					
65	1	13DQ5802010315	Trần Đình	Thái	Nam	17/08/1995	Khánh Hòa	2.08	166	Trung bình	D13X6	12/09/2013	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2013 - 2018	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
66	2	15DQ5802010077	Trần Vương	Linh	Nam	01/10/1996	Đắk Lắk	2.34	155	Trung bình	D15X2	03/09/2015	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
67	3	15DQ5802010277	Hồ Thanh	Hải	Nam	09/11/1997	Khánh Hòa	2.10	155	Trung bình	D15X5	03/09/2015	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
68	4	17DQ5802010038	Phan Công	Sự	Nam	02/10/1999	Phù Yên	3.68	156	Xuất sắc	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
69	5	17DQ5802010019	Đặng Kim	Hoàng	Nam	12/08/1999	Bình Định	2.81	156	Khá	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
70	6	17DQ5802010025	Lê Thái	Khang	Nam	08/10/1999	Khánh Hòa	2.73	156	Khá	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
71	7	17DQ5802010032	Ngô Tuấn	Anh	Nam	15/04/1998	Thanh Hóa	2.66	156	Khá	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
72	8	17DQ5802010225	Phạm Tiến	Đạt	Nam	03/08/1999	Bình Định	2.65	156	Khá	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
73	9	17DQ5802010036	Nguyễn Phú	Quảng	Nam	01/11/1999	Phù Yên	2.40	156	Trung bình	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
74	10	17DQ5802010045	Nguyễn Thế	Tiến	Nam	14/12/1999	Thanh Hóa	2.27	156	Trung bình	D17X1	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
75	11	17DQ5802010095	Nguyễn Văn	Tấn	Nam	20/01/1999	Quảng Ngãi	2.51	156	Khá	D17X2	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
76	12	17DQ5802010062	Phạm Lê Thành	Đạt	Nam	21/07/1999	Phù Yên	2.39	156	Trung bình	D17X2	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
77	13	17DQ5802010300	Võ Văn	Vân	Nam	25/11/1998	Quảng Ngãi	2.33	156	Trung bình	D17X2	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
78	14	17DQ5802010297	Vũ Duy	Mừng	Nam	02/10/1999	Hung Yên	2.25	156	Trung bình	D17X2	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
79	15	17DQ5802010088	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	10/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	2.20	156	Trung bình	D17X2	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
80	16	17DQ5802010157	Trần Ngọc	Triệu	Nam	28/07/1999	Bình Định	3.04	156	Khá	D17X3	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
81	17	17DQ5802010314	Trịnh Thành	Đức	Nam	08/11/1995	Phù Yên	2.48	156	Trung bình	D17X3	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
82	18	17DQ5802010266	Nguyễn Lê	Trọng	Nam	06/01/1998	Đắk Lắk	2.37	156	Trung bình	D17X3	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
83	19	17DQ5802010256	Đoàn Duy	Tâm	Nam	18/07/1999	Phù Yên	2.29	156	Trung bình	D17X3	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
84	20	17DQ5802010180	Nguyễn Thanh	Hoàng	Nam	29/04/1999	Phù Yên	2.41	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
85	21	17DQ5802010284	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	08/02/1999	Phù Yên	2.32	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
86	22	17DQ5802010296	Nguyễn Thái	Bình	Nam	22/10/1999	Phù Yên	2.31	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
87	23	17DQ5802010193	Phan Hoài	Phong	Nam	09/09/1998	Bình Định	2.29	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
88	24	17DQ5802010175	Võ Quốc	Dũng	Nam	17/04/1999	Phù Yên	2.29	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
89	25	17DQ5802010174	Huỳnh	Đức	Nam	05/04/1999	Phù Yên	2.21	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
90	26	17DQ5802010288	Nguyễn Thành	Liêm	Nam	06/09/1998	Phù Yên	2.19	156	Trung bình	D17X4	29/08/2017	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
II. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
91	1	13DQ5802010477	Huỳnh Công	Hoài	Nam	20/10/1993	Bình Định	2.08	166	Trung bình	D13X7	12/09/2013	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2013 - 2018	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
92	2	14DQ5802010040	Nguyễn Ngô	Quyển	Nam	23/08/1996	Bình Định	2.04	155	Trung bình	D15X1	03/09/2015	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Nghành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
93	3	15DQ5802010160	Mai Xuân	Trường	Nam	22/05/1997	Bình Định	2.05	155	Trung bình	D15X3	03/09/2015	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
94	4	15DQ5802010301	Phan Huýnh	Nam	07/05/1996	Bình Định	2.39	155	Trung bình	D15X6	03/09/2015	03/09/2015	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
95	5	15DQ5802010278	Nguyễn Thành	Ăn	Nam	10/12/1997	Bình Định	2.08	155	Trung bình	D15X6	03/09/2015	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
96	6	16DQ5802010074	Lê Phước	Đạt	Nam	05/06/1998	Quảng Trị	2.00	155	Trung bình	D16X1	29/08/2016	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2016 - 2021	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
97	7	16DQ5802010311	Nguyễn Quang	Thục	Nam	10/10/1998	Phú Yên	2.15	155	Trung bình	D16X5	29/08/2016	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2016 - 2021	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
D. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông																					
I. Tổng số 15/155 sinh viên thực hiện ĐATN theo QĐ số: 548/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/8/2022																					
98	1	18DQ5802050034	Nguyễn Hữu	Phú	Nam	29/12/2000	Bình Định	3.46	145	Giỏi	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
99	2	18DQ5802050019	Thần Trọng	Tài	Nam	23/12/2000	Khánh Hòa	3.44	145	Giỏi	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
100	3	18DQ5802050007	Huýnh Hữu Trọng	Duy	Nam	15/09/2000	Bình Định	3.43	145	Giỏi	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
101	4	18DQ5802050030	Ngô Thanh	Dũng	Nam	09/03/1998	Phú Yên	3.37	145	Giỏi	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
102	5	18DQ5802050026	Thái Văn	Viên	Nam	21/02/2000	Bình Định	3.11	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
103	6	18DQ5802050031	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	20/11/2000	Bình Định	3.07	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
104	7	18DQ5802050012	Mai Văn	Huy	Nam	15/08/2000	Bình Định	2.97	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
105	8	18DQ5802050006	Phan Hồng	Dư	Nam	25/06/2000	Bình Định	2.97	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
106	9	18DQ5802050025	Phạm Phan Biền	Trần	Nữ	18/02/2000	Phú Yên	2.82	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
107	10	18DQ5802050032	Trần Anh	Quản	Nam	30/01/2000	Phú Yên	2.78	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
108	11	18DQ5802050002	Lê Hoàng	Anh	Nam	07/04/2000	Phú Yên	2.67	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
109	12	18DQ5802050018	Nguyễn Văn	Sỹ	Nam	20/09/2000	Phú Yên	2.58	145	Khá	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
110	13	14DQ5802050094	Nguyễn Thanh Nhật	Phong	Nam	27/05/1996	Phú Yên	2.12	163	Trung bình	D14CD1	03/09/2014	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2014 - 2019	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
111	14	15DQ5802050029	Trần Phạm Xuân	Nhật	Nam	02/03/1997	Phú Yên	2.19	155	Trung bình	D15CD1	03/09/2015	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2015 - 2020	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
112	15	17DQ5802050003	Võ Phong	Đại	Nam	24/11/1999	Bình Định	2.64	155	Khá	D17CD	29/08/2017	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022
E. Ngành Kinh tế xây dựng																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
113	1	17DQ5803010078	Lê Văn	Công	Nam	01/05/1999	Phú Yên	2.26	134	Trung bình	D17KX1	29/08/2017	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022

Tổng số: 113 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ

(Kèm theo Quyết định số: 947/QĐ-ĐHXDMT, ngày 30 tháng 12 năm 2022)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QB (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kỹ thuật xây dựng																					
I. Tổng số 02/155 sinh viên thực hiện DATN theo QĐ số: 548/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/8/2022																					
1	1	19DL5802011278	Nguyễn Việt Khương	Nam	10/07/1992	Phú Yên	2.80	58	Khá	D19X6	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2021	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
2	2	20DL5802011018	Đặng Bá Khanh	Nam	14/10/1989	Phú Yên	3.31	150	Giỏi	D20XDK6	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
II. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
3	1	19DL5802011270	Văn Tuấn Kiên	Nam	05/05/1997	Phú Yên	2.47	58	Trung bình	D19X6	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2021	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
B. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước																					
I. Tổng số 07/155 sinh viên thực hiện DATN theo QĐ số: 548/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/8/2022																					
4	1	20DL5802131008	Nguyễn Ngô Phi Triển	Nam	01/07/1985	Phú Yên	3.60	150	Xuất sắc	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
5	2	20DL5802131001	Nguyễn Quang Dũng	Nam	05/05/1996	Bình Định	3.56	150	Giỏi	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
6	3	20DL5802131002	Phạm Duy	Nam	10/12/1993	Phú Yên	3.47	150	Giỏi	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
7	4	20DL5802131007	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	Nam	25/02/1996	Phú Yên	3.39	150	Giỏi	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
8	5	20DL5802131016	Dương Đình Thảo	Nam	17/10/1994	Gia Lai	3.33	150	Giỏi	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
9	6	20DL5802131017	Võ Văn Tin	Nam	08/01/1990	Phú Yên	3.06	150	Khá	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	
10	7	20DL5802131006	Nguyễn Bình Nguyễn	Nam	25/11/1997	Phú Yên	3.00	150	Khá	D20CNK2	22/12/2020	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	

Tổng số: 10 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 947/QĐ-ĐHXDMT, ngày 30 tháng 12 năm 2022)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kế toán																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
1	1	18DQ3403010036	Huỳnh Trần Tú Uyên	Nữ	18/03/2000	Đắk Lắk	3.86	124	Xuất sắc	D18KT1	16/08/2018	Kế toán	Kế toán xây dựng cơ bản	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	Cử nhân	947/QĐ-ĐHXDMT	30/12/2022	

Tổng số: 1 sinh viên